TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 663/2024/HS-PT
Ngày 19 tháng 8 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền;

Ông Nguyễn Phan Nam.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 464/2024/TLPT-HS ngày 24 tháng 4 năm 2024 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Trần Trung H, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 24 tháng 11 năm 1995; Nơi đăng ký HKTT: Xóm Q, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở: Xóm Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn A và bà Ma Thị H1; có vợ là Đặng Hồng G, có 01 con; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án chỉ định: Bà Nguyễn Thị Kim T – Luật sư Văn phòng L1, Đoàn Luật sư tỉnh T (Có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Phạm Thành T1 không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 45 phút ngày 08/01/2023 Tổ công tác của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố T, tỉnh Thái Nguyên nhận được tin báo tại khu vực hành lang Tầng 9 của Chung cư T, thuộc tổ A, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên có 01 người nam giới có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy. Tiến hành xác minh, kiểm tra phát hiện 01 nam giới, khai họ tên là Phạm Thành T1, sinh năm 1971, trú tại tổ F, phường G, thành phố T, Nơi ở tổ A, phường C, thành phố T và tự giác giao nộp từ trên tay phải của T1 01 túi nilon màu trắng trong có 01 gói được bọc bằng nhiều lớp nilon màu vàng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (niêm phong bì ký hiệu T), T1 khai nhận là ma túy tổng hợp dạng "đá"của T1 mang đi bán kiếm lời. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn tạm giữ của T1 02 điện thoại di động (01 chiếc nhãn hiệu OPPO, 01 chiếc nhãn hiệu Nokia), 01 xe ôtô nhãn hiệu CHEVROLET sơn màu ghi gắn biển kiểm soát: 20A- 237.80. Cơ quan điều tra đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đưa T1 về Cơ quan điều tra để điều tra làm rõ. Tại Cơ quan điều tra, T1 khai nhận số ma túy nêu trên là mua của Nguyễn Đại Q, sinh năm 1987, trú ở: xóm K, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và Trần Trung H, sinh năm 1995, trú ở: xóm Q, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Nơi ở: xóm Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Thành T1 tại tổ A, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, thu giữ: 01 cân điện tử màu trắng và 25 túi nilon màu trắng. Quá trình khám xét chỗ ở của T1 thì Trần Trung H (Có lý lịch nêu trên) có mặt tại đây, H trình bày đến nhà T1 để nhận 140.000.000 đồng tiền bán ma túy và có Đơn xin đầu thú trước Cơ quan điều tra, khai nhận về hành vi phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy của mình. Cơ quan điều tra đã tạm giữ của H: 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc nhãn hiệu Iphone, 01 chiếc nhãn hiệu SMP), 01 xe môtô nhãn hiệu Honda màu sơn đỏ đen biển kiểm soát: 20C1-108.26.

Ngày 09/01/2023, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Trung H tại xóm Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và ngày 29/12/2023, khám xét chỗ ở của Nguyễn Đại Q tại xóm K, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên: Không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Mở niêm phong 04 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, SMP, OPPO, N đã tạm giữ của T1 và H, kết quả: Có các tin nhắn, cuộc gọi liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Mở niêm phong T: Số chất tinh thể màu trắng có khối lượng 996,80 gam, lấy 2,262 gam làm mẫu gửi giám định (Ký hiệu T1), còn lại niêm phong lưu kho.

Tại Kết luận giám định số 258 ngày 17/01/2023 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Chất tinh thể màu trắng trong phong bì kí hiệu T1 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng thu giữ ban đầu là 996,80gam.

Quá trình điều tra làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 08/01/2023 có người nam giới tên là T2 (tên thường gọi là Tuấn Y, không rõ họ, tên đệm) nhà ở tầng I chung cư T thuộc phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên gọi điện thoại cho Phạm Thành T1 đặt mua 1 kilôgam ma tuý tổng hợp dạng đá với giá thoả thuận là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), hẹn 12 giờ cùng ngày T1 đến nơi ở của T2 để hai bên trực tiếp mua bán ma tuý. Do quen biết với Nguyễn Đại Q từ năm 2022 và qua nói chuyện biết Q có ma túy bán nên khoảng 12 giờ 30 phút ngày 08/01/2023 T1 đã gọi điện thoại từ số thuê bao 0357.377.578 của mình vào số thuê bao 0332.392.222 của Q (tên chủ thuê bao là Trần Doãn B, sinh năm 1987, địa chỉ xóm B, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) đặt mua của Q 01 kilôgam ma tuý tổng hợp dạng đá với giá thoả thuận là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng), hẹn sau đó gặp nhau tại khu vực cổng Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để giao nhận ma tuý, đồng thời Q nhắn tin gửi cho T1 số điện thoại 0328.453.115 để khi nào đến nơi thì gọi vào số điện thoại đó để Trần Trung H giao ma tuý.

Để bán được ma túy cho T1 như đã thỏa thuận, khoảng 13 giờ ngày 08/01/2023 Nguyễn Đại Q điện thoại cho Trần Trung H đến nơi ở của Q tại xóm K, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Tại đây Q đưa cho H 01 túi nilon bên trong chứa ma túy tổng hợp dạng đá, rồi thuê H đem túi ma tuý này đến khu vực cổng Đền Đ thuộc xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để bán, Quảng hứa trả công cho H số tiền 2.000.000 đồng. H đồng ý. Sau đó, Q đưa cho H số tiền 500.000 đồng để đổ xăng cùng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SMP lắp sim số thuê bao 0328.453.115 để làm phương tiện liên lạc, khi nào bán được ma túy H sẽ thu số tiền 140.000.000 đồng, rồi chuyển lại cho Q số tiền 138.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng, còn 2.000.000 đồng là tiền công Q trả cho H. H một mình điều khiển xe môtô biển kiểm soát: 20C1-108.26 đem theo túi ma tuý đến khu vực cổng Đền Đ để bán theo sự chỉ đạo của Q.

Tại đây T1 đã gọi điện thoại vào số 0328.453.115 thì gặp H, sau khi thống nhất được vị trí giao nhận ma túy, H cầm túi ma tuý đến khu vực xóm Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên bán cho T1 và bảo T1 thanh toán cho mình số tiền 140.000.000 đồng, do chưa có tiền để trả nên T1 bảo H đến nơi ở của mình tại tổ A, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên để chờ, khi nào bán được ma túy sẽ thanh toán cho H sau. Nhận túi ma túy từ H, T1 đã cất giấu trên người rồi mang đến khu vực tầng 9 toà chung cư T thuộc tổ A, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên để bán, nhưng chưa kịp bán thì bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang thu giữ vật chứng là 996,80gam ma túy Methamphetamine.

Lời khai của Phạm Thành T1, Trần Trung H phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản xác định hiện trường, biên bản khám xét, biên bản đối chất, biên bản nhận dạng, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định chất ma túy, lời khai của người chứng kiến...và các chứng cứ khác đã thu thập được.

Đối với chiếc xe ôtô nhãn hiệu CHEVROLET sơn màu ghi gắn biển kiểm soát: 20A-237.80 đã tạm giữ của T1: Chiếc xe thuộc sở hữu anh Đào Hữu T3, sinh năm 1971, trú ở tổ C, phường T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 08/01/2023 anh T3 cho T1 mượn chiếc xe để làm phương tiện đi lại (T3 không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của T1). Đối với chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda sơn màu đỏ đen gắn biển kiểm soát: 20C1- 108.26 đã tạm giữ của H: Chiếc xe thuộc sở hữu bà Ma Thị H1, sinh năm 1973, trú ở xóm Q, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (bà H1 là mẹ đẻ của H). Ngày 08/01/2023 bà H1 cho H mượn chiếc xe để làm phương tiện đi lại (bà H1 không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của H). Cơ quan điều tra đã trả chiếc xe cùng toàn bộ giấy tờ xe cho chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

Xác minh tài sản của Phạm Thành T1, Trần Trung H tại nơi cư trú, kết quả: Các bị cáo không có tài sản gì có giá trị.

Vật chứng vụ án là: Ma túy loại Methamphetamine; 04 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, SMP, OPPO, N, 01 cân điện tử và 26 túi nilon màu trắng (Có bản thống kê riêng kèm theo) đã chuyển theo hồ sơ vụ án, hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý.

Tại Cáo trạng số 16/CT-VKSTN ngày 26/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Phạm Thành T1 và Trần Trung H về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 20/3/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên tuyên bố bị cáo Trần Trung H phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*.

Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Trung H: Tù Chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 08/01/2023. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000đ (Năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo khác, về xử lý vật chứng, về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/3/2024, bị cáo Trần Trung H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Trần Trung H giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đồng thời bổ sung thêm các tài liệu bao gồm:

- Huy chương kháng chiến hạng Nhất của Chủ tịch nước tặng bà Phạm Thị S;

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh T truy tặng ông Ma Ngọc L vì đã có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước;

- Giấy chứng nhận Liệt sỹ Ma Văn N1; Huân chương kháng chiến hạng

Ba của Hội đồng nhà nước tặng Liệt sỹ Ma Văn N1; Huân chương Chiến sĩ giải phóng của Hội đồng cố vấn Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hoà miền N Việt Nam tặng Liệt sỹ Ma Văn N1; Huân chương chiến công giải phóng hạng Ba của Hội đồng cố vấn Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hoà miền N Việt Nam tặng Liệt sỹ Ma Văn N1;

- Bằng Tổ quốc ghi công đối với Liệt sỹ Phạm Văn T4.

- Quyết định về việc quân nhân xuất ngũ của Trần Trung H;

- Biên lai thu tiền phạt và án phí hình sự của bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HSST ngày 20/3/2024 của TAND tỉnh Thái Nguyên, số tiền 5.200.000 đồng (trong đó tiền phạt là 5.000.000 đồng và tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng).

- Đơn của chị Đặng Hồng G (là vợ của bị cáo) xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

- Đơn của bà Nguyễn Thị B1 (là Trưởng xóm Q, xã P) xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

- Đơn của ông Ngô Tuấn S1 (là Chủ tịch UBND xã P) xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tại phiên toà phúc thẩm gia đình bị cáo giao nộp thêm tài liệu mới là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS; Gia đình bị cáo đã nộp tiền phạt, tiền án phí sơ thẩm; Chính quyền địa phương có văn bản đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; vai trò của bị cáo trong vụ án này là thấp hơn so với bị cáo Phạm Thành T1. Do vậy, có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 20 năm tù.

Luật sư Nguyễn Thị Kim T bào chữa cho bị cáo: Mức án mà Toà án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là nặng. Trong vụ án này bị cáo H đóng vai trò giúp sức, thấp hơn so với bị cáo T1 và Nguyễn Đại Q. Sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú, trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên toà ngày hôm nay gia đình bị cáo cung cấp nhiều tài liệu là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Trần Trung H trong thời hạn luật định và hợp lệ, được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm, phiên toà phúc thẩm bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai của Phạm Thành T1, Trần Trung H phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản xác định hiện trường, biên bản khám xét, biên bản đối chất, biên bản nhận dạng, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định chất ma túy, lời khai của người chứng kiến...và các chứng cứ khác đã thu thập được, có đủ căn cứ để xác định: Do quen biết với Nguyễn Đại Q từ năm 2022 và biết Q có ma túy bán nên khoảng 12 giờ 30 phút ngày 08/01/2023 T1 đã gọi điện thoại từ số thuê bao 0357.377.578 của mình vào số thuê bao 0332.392.222 của Q đặt mua của Q 01 kilôgam ma tuý tổng hợp dạng đá với giá thoả thuận là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng), hai bên thoả thuận giao nhận ma tuý tại khu vực cổng Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, đồng thời Q nhắn tin gửi cho T1 số điện thoại 0328.453.115 để khi nào đến nơi thì T1 gọi vào số điện thoại này để nhận ma tuý.

[4] Khoảng 13 giờ ngày 08/01/2023 Nguyễn Đại Q điện thoại cho Trần Trung H đến nơi ở của Q. Tại đây Q đưa cho H 01 túi nilon bên trong chứa ma túy tổng hợp dạng đá, rồi thuê H đem túi ma tuý này đến khu vực cổng Đền Đ để giao cho T1, Quảng hứa trả công cho H số tiền 2.000.000 đồng. H đồng ý. Sau đó Q đưa cho H số tiền 500.000 đồng để đổ xăng cùng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SMP lắp sim số thuê bao 0328.453.115 để làm phương tiện liên lạc, khi nào bán được ma túy H sẽ thu số tiền 140.000.000 đồng, rồi chuyển lại cho Q số tiền 138.000.000 đồng vào tải khoản ngân hàng, còn 2.000.000 đồng là tiền công Q trả cho H. H một mình điều khiển xe môtô biển kiểm soát: 20C1-108.26 đem theo túi ma tuý đến khu vực cổng Đền Đ để bán theo sự chỉ đạo của Q.

[5] T1 đã gọi điện thoại vào số 0328.453.115 thì gặp H, sau khi thống nhất được vị trí giao nhận ma túy, H cầm túi ma tuý đến khu vực xóm Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên bán cho T1 và bảo T1 thanh toán cho mình số tiền 140.000.000 đồng, do chưa có tiền để trả nên T1 bảo H đến nơi ở của mình tại tổ A, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên để chờ, khi nào bán được ma túy sẽ thanh toán cho H sau. Nhận túi ma túy từ H, T1 đã cất giấu trên người rồi mang đến khu vực tầng 9 toà chung cư T thuộc tổ A, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên để bán, nhưng chưa kịp bán thì bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang thu giữ vật chứng là 996,80gam ma túy Methamphetamine. Toà án cấp sơ thẩm kết án Trần Trung H về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, không oan.

[6] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Trung H: Hành vi phạm tội của bị cáo được quy định tại khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, khung hình phạt từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo Trần Trung H sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú, quá trình điều tra bị cáo T1 và H đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra phát hiện Nguyễn Đại Q là người đã có ma túy bán cho T1 để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, từ đó xử phạt chung thân đối với bị cáo là cơ bản phù hợp với tính chất mức độ của hành vi phạm tội.

[7] Tuy nhiên, xét vai trò của bị cáo trong vụ án này Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Bị cáo không được tham gia vào việc thoả thuận mua bán ma tuý, việc mua bán hoàn toàn do T1 trực tiếp liên lạc với Trần Đại Q1 để hỏi mua vì hai bên đã biết nhau từ trước, hai bên trực tiếp thoả thuận về số lượng, chủng loại ma tuý cũng như giá cả, thời gian, địa điểm, phương thức giao nhận ma tuý. Sau khi T1 và Q1 thoả thuận xong, Q1 mới nhờ H vận chuyển túi ma tuý để giao cho T1 và được Quảng hứa trả công là 2.000.000 đồng, thực tế Q1 mới đưa 500.000 đồng để H đổ xăng xe. Mặc dù có căn cứ để xác định H có biết bên trong túi là ma tuý, nhưng H không biết chủng loại cũng như số lượng ma tuý mà Q1 thuê mình vận chuyển, không tham gia vào toàn bộ quá trình thoả thuận mua bán. Như vậy, trong vụ án này vai trò của H là thấp hơn so với T1 và Q1.

[8] Mặt khác, bị cáo T1 có nhân thân xấu (là đối tượng nghiện ma tuý; có nhiều tiền án, tiền sự) và không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như bị cáo H, nhưng Toà án cấp sơ thẩm tuyên phạt cả hai bị cáo T1 và H cùng mức hình phạt tù chung thân là chưa có sự phân hoá vai trò của từng bị cáo trong vụ án.

[9] Ngay sau khi T1 bị bắt, H đã có đơn xin đầu thú trình bày toàn bộ nội dung, diễn biến quá trình thực hiện hành vi phạm tội; quá trình điều tra vụ án bị cáo H đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra giúp phát hiện Nguyễn Đại Q là người có ma tuý bán cho T1.

[10] Tại phiên toà phúc thẩm, gia đình bị cáo Trần Trung H đã xuất trình thêm các tài liệu bao gồm: Huy chương kháng chiến hạng nhất của Chủ tịch nước tặng bà Phạm Thị S (là bà ngoại của bị cáo) vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh T truy tặng ông Ma Ngọc L (là ông ngoại của bị cáo) vì đã có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Giấy chứng nhận Liệt sĩ Ma Văn N1 (là ông cậu của bị cáo); Huân chương kháng chiến hạng Ba của Hội đồng nhà nước tặng Liệt sỹ Ma Văn N1; Huân chương Chiến sĩ giải phóng của Hội đồng cố vấn Chính phủ

cách mạng lâm thời Cộng hoà miền N Việt Nam tặng Liệt sỹ Ma Văn N1; Huân chương chiến công giải phóng hạng Ba của Hội đồng cố vấn Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hoà miền Nam Việt Nam tặng Liệt sỹ Ma Văn N1; Bằng Tổ quốc ghi công đối với Liệt sỹ Phạm Văn T4 (là ông cậu của bị cáo). Hội đồng xét xử đánh giá đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[11] Ngoài ra, bị cáo H đã có thời gian tham gia và hoàn thành nghĩa vụ quân sự (Quyết định về việc quân nhân xuất ngũ số 77/QĐ-XN ngày 16/01/2016); Gia đình bị cáo đã tự nguyện thi hành một phần bản án hình sự (Biên lai thu tiền phạt và án phí hình sự của bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HSST ngày 20/3/2024 của TAND tỉnh Thái Nguyên, số tiền 5.200.000 đồng (trong đó tiền phạt là 5.000.000 đồng và tiền án phí là 200.000 đồng).

[12] Bên cạnh đó, còn có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo của đại diện cho thôn xóm nơi bị cáo cư trú; của chính quyền xã cũng như của của các đoàn thể địa phương. Trong các đơn này, các tổ chức cá nhân đều xác nhận: Quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo H và gia đình luôn gương mẫu chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy ước, hương ước của địa phương; luôn tham gia tích cực các phong trào của xóm, của xã và đoàn thanh niên tổ chức....Hoàn cảnh gia đình hiện nay rất khó khăn: vợ còn trẻ, không có việc làm, các con còn nhỏ, cha mẹ già yếu, ốm đau thường xuyên, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

[13] Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này, bị cáo Trần Trung H thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho Trần Đại Q1 (H được Q1 thuê vận chuyển ma tuý đi bán cho Phạm Thành T1 và hứa sẽ trả công là 2.000.000 đồng), nên vai trò thấp hơn so với bị cáo Phạm Thành T1. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm các tài liệu là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Luật sư bào chữa cho bị cáo, cần sửa bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, có cơ hội trở lại hoà nhập với xã hội.

[14] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[15] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban

Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Trung H. Sửa Bản án Hình sự sơ thẩm số 26/2024/HSST ngày 20/3/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Trung H phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma tuý*";

Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Trung H 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/01/2023.

2. Bị Cáo Trần Trung H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- TTG Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Lợi